

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ VIỆT TRUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của Cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP MÁY NÔNG - NGƯ - CƠ
Tại Km 34, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương



CHỦ CƠ SỞ

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NGỌC ANH**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU	4
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	5
Chương I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung.....	6
2. Tên cơ sở: Nhà máy Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ	6
3.1. Công suất của Cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở	6
3.2.1. Sản xuất, gia công, lắp ráp phụ tùng máy nông – ngư – cơ	7
3.2.2. Quy trình bảo dưỡng máy móc định kỳ.....	8
3.3. Sản phẩm của Cơ sở:	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	10
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	10
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	11
5.4. Tổng vốn đầu tư.....	13
5.5. Nhu cầu về lao động	13
Chương II	14
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	14
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	14
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	15
Chương III	16
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	16
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	16
1.3. Xử lý nước thải.....	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	18
2.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông.....	18
2.2. Giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động sản xuất.....	18

2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	23
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	26
Chương IV	30
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	30
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	30
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	30
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	30
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	31
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	32
4. Quản lý chất thải	33
Chương V	35
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	35
Chương VI	36
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ	36
CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	36
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	36
Chương VII	38
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	Bộ Y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCN	Cụm công nghiệp
HT	Hệ thống
HTXL	Hệ thống xử lý
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất ổn định của dự án.....	9
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy	10
Bảng 1.3. Khối lượng hạng mục thoát nước mưa, nước thải	11
Bảng 1.4. Máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất	12
Bảng 3.1: Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰	16
Bảng 3.2: Tọa độ vị trí điểm xả nước thải theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰ :	17
Bảng 3.3. Bảng cân bằng nước của công ty	17
Bảng 3.4. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của Cơ sở	24
Bảng 3.5. Khối lượng chất thải nguy hại của Cơ sở.....	25
Bảng 4.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các thông số của nước thải	30
Bảng 4.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải nhà máy	32
Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn.....	33
Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại của cơ sở.....	33
Bảng 4.5. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của Cơ sở	34
Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến	36
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	36

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình sản xuất, gia công, lắp ráp phụ tùng máy nông – ngư – cơ.....	7
Hình 1.2: Tóm tắt quy trình sơn	7
Hình 1.3. Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị.....	8
Hình 3.1. Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở	16
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy	17
Hình 3.3. Nguyên lý hoạt động của hệ thống thông gió tự nhiên	19
Hình 3.4. Nguyên lý của hệ thống thông gió cưỡng bức.....	22
Hình 3.5. Sơ đồ thu gom và xử lý chất thải rắn của Công ty	23

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung

- Địa chỉ văn phòng: Km34, Quốc lộ 5A, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Cơ sở: Ông Phạm Tuấn Anh- Tổng Giám đốc công ty.

- Điện thoại: 02203768886

- Giấy ĐKKD số 0800245513, đăng ký lần đầu ngày 07/8/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/12/2019

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư - cơ.

2. Tên cơ sở: Nhà máy Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ

Địa điểm thực hiện: Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ của Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung được thực hiện trên diện tích đất 9.900 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 317445 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung ngày 05/8/2002) tại K18+800, Quốc lộ 5A, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Hải Dương.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần.

Cơ sở Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ không có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2002.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Cơ sở

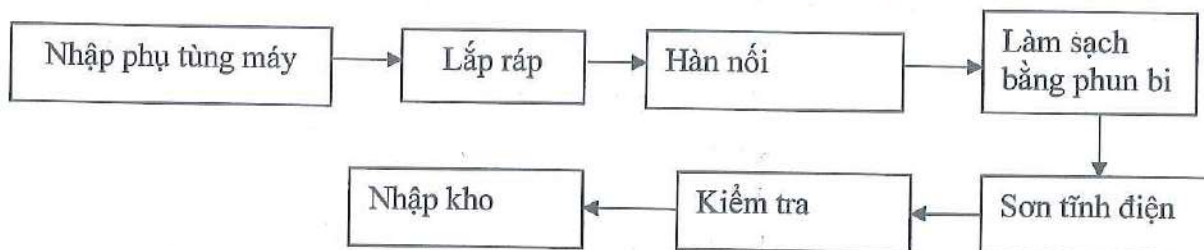
3.1. Công suất của Cơ sở

Công ty đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư - cơ với diện tích sử dụng là 9.900m², với quy mô:

+ Sản xuất, lắp ráp động cơ diesel, máy cày tay, máy trà gạo, máy đập lúa nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường: 6.800 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

3.2.1. Sản xuất, gia công, lắp ráp phụ tùng máy nông – ngư – cơ



Hình 1.1. Quy trình sản xuất, gia công, lắp ráp phụ tùng máy nông – ngư – cơ

* Thuyết minh quy trình công nghệ

✓ Kiểm tra vật tư đưa vào sử dụng

- Kiểm tra vật liệu là kiểm tra chất lượng, quy cách, chủng loại của vật liệu, bề mặt lỗi, lõm, rỗ, rỉ, nứt, cong, vênh...

- Pha phối các tấm thành, tấm đỉnh, tấm đáy thực hiện trên máy cắt hơi nhiều mô, mô cắt hơi gá trên máy rùa.

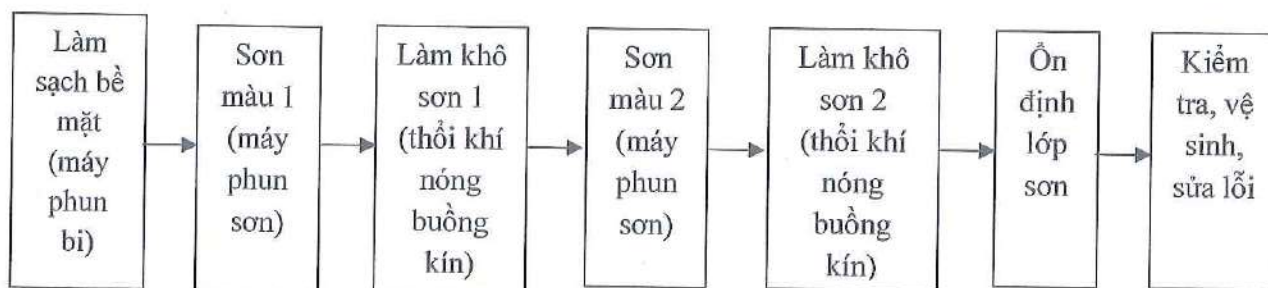
- Pha phối tấm vách thực hiện trên máy sấn.

- Các phối khác gia công trên máy cắt đá, mô cắt hơi cầm tay.

- Các phối sau khi cắt phải được làm cùn các cạnh sắc bằng máy mài cầm tay.

Nguyên liệu sau khi được cắt, làm sạch được hàn thành bán thành phẩm bằng máy hàn rùa. Bán thành phẩm sau khi được làm sạch các mối hàn bằng các máy phun bi được chuyển sang công đoạn sơn tĩnh điện.

+ Quy trình sơn như sau:



Hình 1.2: Tóm tắt quy trình sơn

Tóm tắt quy trình sơn:

Vật sơn đặt trên trolley và dẫn động bởi tời điện, được đưa vào phòng sơn, vật sơn được đặt trên hệ giá di động (được kéo bởi tời điện trên hệ ray). Việc phun sơn sẽ được thực hiện bằng máy sơn và nút bấm thủ công.

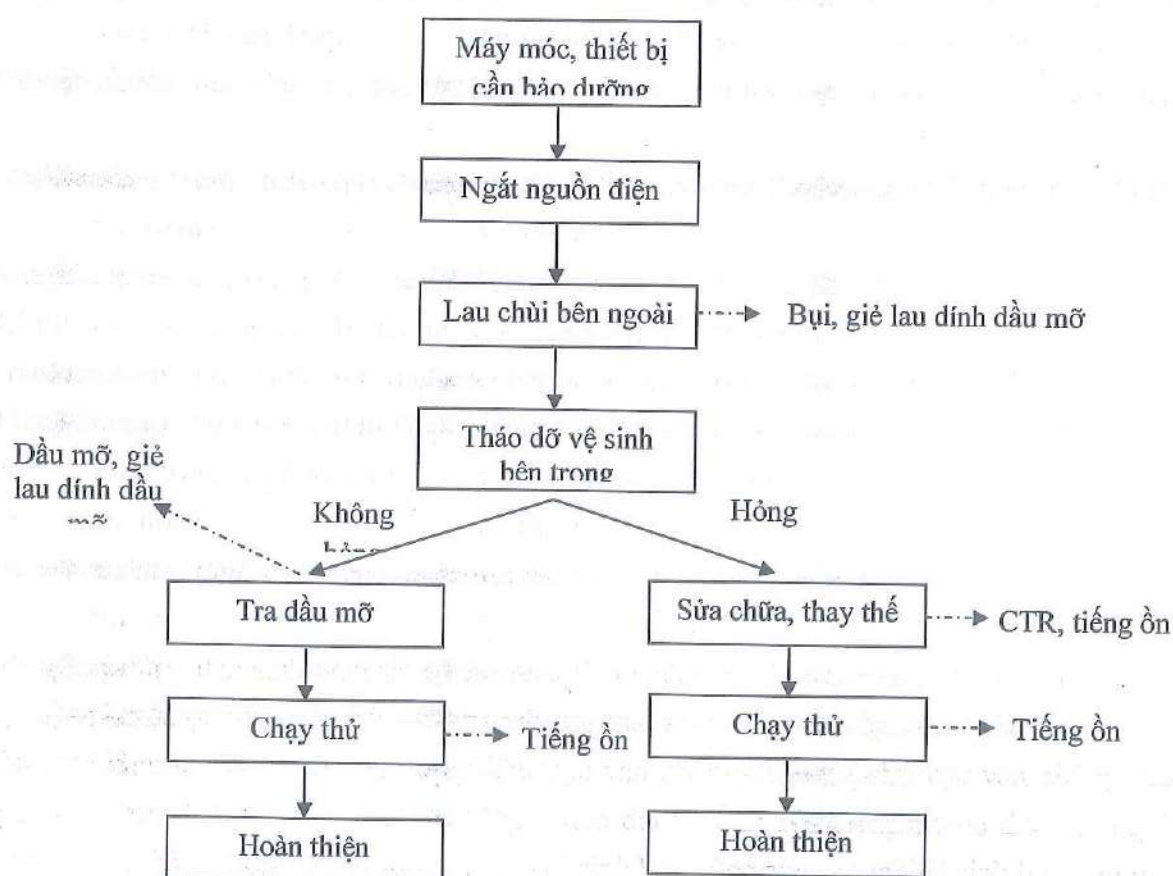
Sau khi thực hiện phun sơn lớp đầu tiên, vật sơn sẽ được di chuyển sang khoang sấy chuyển lớp (Dry off) để sấy khô bề mặt chuẩn bị cho sơn lớp thứ 2, thời gian sấy

khoảng 1h-2h với nhiệt độ 45°C, thổi khí nóng tốc độ cao. (Áp dụng với tùy chọn có trang bị thổi khí nóng hỗ trợ làm khô bề mặt). Với tùy chọn không dùng bộ sấy hỗ trợ thì sẽ căn cứ vào trực quan và bản tiêu chuẩn thời gian qua định của NCC vật liệu sơn để đánh giá tình trạng độ khô bề mặt trước khi tiến hành sơn lớp tiếp theo. Số lớp sơn từ 2-3 lớp để đạt độ dày 80 - 120 μm

Khi vật sơn đã khô bề mặt, nhân viên sẽ kéo xe trở lại phòng sơn và tiếp tục sơn lớp thứ 2 (thực hiện tương tự như sơn lớp đầu). Sơn xong, vật sơn sẽ được tiếp tục kéo sang khoang sấy chuyển lớp (Dry off) để làm khô bề mặt (thời gian sấy khoảng 1.5h-2h với nhiệt độ 45°C, thổi khí nóng tốc độ cao). Khi vật sơn đã khô bề mặt, nhân viên sẽ chuyển sản phẩm sang ổn định bề mặt (thời gian ổn định bề mặt khoảng 24h-48h với nhiệt độ tự nhiên)

3.2.2. Quy trình bảo dưỡng máy móc định kỳ

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị với chu kỳ 6 tháng/lần. Đối với các máy móc thiết bị hết khấu hao, Công ty sẽ có lộ trình cụ thể để thay thế những máy móc, thiết bị này. Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị như sau:



Hình 1.3. Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị

Quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh một số chất thải:

- Chất thải rắn: Bao gồm bụi, dụng cụ, thiết bị bị gãy, hỏng, giẻ lau,...
- CTNH gồm có dầu mỡ dư thừa, hộp đựng dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ.
- Tiếng ồn.

3.3. Sản phẩm của Cơ sở:

Các máy móc nông – ngư – cơ

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất ổn định của dự án

TT	Tên gọi	Đơn vị	Nhu cầu
1	Que hàn	Tấn/năm	8,0
2	Thuốc hàn	Tấn/năm	1,3
3	Dây hàn	Tấn/năm	1,2
4	Oxy	Tấn/năm	2,3
5	Khí gas	Tấn/năm	3,5
6	Dầu làm mát	Tấn/năm	1,7
7	Nilon	Tấn/năm	1,1
8	Thùng carton	Tấn/năm	2,3

Nguồn: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung

+ Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện: Công suất tiêu thụ điện của Dự án sử dụng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt của nhà máy. Một tháng nhà máy làm việc 26 ngày, trung bình 8h/ngày.

- Hiện trạng sử dụng: Dựa theo tình hình sử dụng của công ty, điện năng công ty sử dụng khoảng 1.420.130 kWh/tháng tương đương 54.620,38 kWh/ngày

* *Nhu cầu sử dụng nước*

+ Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt:

Dự án sử dụng 185 lao động, với nhu cầu sử dụng nước là 45 lít/người/ngày đêm (Do công ty không tổ chức nấu ăn cho công nhân viên).

$$185 \times 45 \text{ lít/ngày} = 8,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

+ Nhu cầu sử dụng nước để tưới cây. (tính bằng khoảng 10% lượng nước sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt): $0,84 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy

TT	Nhu cầu sử dụng	Khối lượng (m ³ /ngày đêm)
1	Nước cấp sinh hoạt của Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ	8,4
2	Nước cấp sản xuất	0,45
2.3	Nước cấp bổ sung cho hệ thống xử lý khí thải của khu vực phun sơn	0,2
2.4	Nước rửa dụng cụ, rửa tay công đoạn sơn	0,25
3	Nước tưới cây (bằng khoảng 10% lượng nước sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt)	0,84
	Tổng	9,69

Nguồn: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung

*** / Cấp nước chữa cháy:**

Hiện tại, Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã có hồ điều hoà, chứa nước PCCC 258,75m² (600m³). Cơ sở dung chung hệ thống phòng cháy chữa cháy trong đó có bể chứa nước phòng cháy chữa cháy với Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung. Nguồn cung cấp nước từ hệ thống cấp nước chung của khu vực.

a. Tính lưu lượng:

- Lưu lượng nước chữa cháy trong nhà (Số họng nước phun đồng thời bên trong nhà là 01 họng): $QCCT = 1 \times 2,5 = 2,5 \text{ l/s}$

Lưu lượng nước chữa cháy bên ngoài, lấy $QCCN = 20 \text{ l/s}$.

Do vậy lưu lượng nước chữa cháy cần thiết:

$$Q_{ct} \geq QCCT + QCCN = 2,55 + 20 = 22,55 \text{ l/s}$$

b. Lượng nước chữa cháy dự phòng:

Tính toán dung tích bể chứa theo lưu lượng chữa cháy trong nhà trong thời gian 1h và lưu lượng chữa cháy bên ngoài trong thời gian 1h.

Vậy dung tích bể nước chữa cháy cần thiết sử dụng là:

$$V_{cc} = 22,55 \times 2 \times 3.600 = 81 \text{ m}^3$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

+ Hệ thống cấp nước, PCCC: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã xây dựng hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy 600m³ và lắp đặt 02 bơm tăng áp, đường ống cấp nước PCCC PVC-D110 chiều dài 400m; đường ống cấp nước sinh hoạt PVC-D50 chiều dài 280m; 04 chiếc téc nước, 08 chiếc trụ chữa cháy 2 cửa ra D65 để phục vụ cấp nước cho hoạt động sản xuất, phòng cháy chữa cháy của công ty. Nguồn cung cấp nước từ hệ thống cấp nước chung của khu vực.

+ Hệ thống thoát nước: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải tách biệt với hệ thống thoát nước mưa với khối lượng các hạng mục cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Khối lượng hạng mục thoát nước mưa, nước thải

STT	Tên hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Hố ga thu nước mặt (GM)	27	Chiếc
2	Cống tròn TN mặt BTCT D600	165	Md
3	Cống tròn TN mặt BTCT D400	495	Md
4	Hố ga (Thu nước thải)	10	Chiếc
5	Ống HDPE D300 thu nước thải	330	Md
6	Hệ thống xử lý nước thải	01	Hệ thống

+ Hệ thống cấp điện: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã xây dựng hệ thống cấp điện gồm: 01 trạm biến áp; 01 tủ điện chiếu sáng, 01 tủ điện công trình, 12 cột điện và bóng điện chiếu sáng; 310m cáp hạ thế Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x50+1x25; 900m dây chiếu sáng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 2x10. Nguồn điện được đấu nối từ đường dây 35kV thuộc cụm công nghiệp Hưng Thịnh để cung cấp điện cho công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung.

Ngoài ra còn có các hạng mục như sân đường, hàng rào, cây xanh, nhà bảo vệ, cổng chính.

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

*** Hệ thống thoát nước mưa:**

+ Nước mưa từ trên mái các công trình theo ống dẫn PVC 1110 chảy xuống hệ thống rãnh thoát nước mặt ở dưới xung quanh nhà máy.

+ Hệ thống rãnh thu gom nước mưa gồm rãnh thoát nước mưa, bố trí tổng số 5 hố ga bằng BTCT có kích thước 600x600x1000 lắp đặt trước khi xả ra ngoài mương tiếp nhận (*mương thoát nước chung của khu vực*).

*** Hệ thống thoát nước thải:**

- *Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

+ Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt do công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đầu tư xây dựng. Nước thải sinh hoạt từ 03 bể phốt tại 3 khu nhà vệ sinh công nhân và nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đi vào các hố ga, theo đường ống HDPE D300, $i = 0,2$ tổng chiều dài 330m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- *Công trình xử lý nước thải*

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty được thu gom, chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm do Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đầu tư xây dựng. Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, xả nước thải sau xử lý và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải, nước thải sau xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số Kmax = 1,2.

Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung hiện tại có 02 dự án: Dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư – cơ và Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô vận tải nông dụng (trọng tải từ 650kg đến 8.000 kg). Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt của cả 2 dự án của công ty.

*** Công trình xử lý bụi, khí thải:**

Nhà máy có 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ phòng sơn tĩnh điện, công suất: 9.000m³/giờ: 01 hệ thống.

*** Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Hiện tại Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã tiến hành xây dựng và bố trí các kho chứa rác thải thông thường và rác thải nguy hại (tổng diện tích nhà chứa rác kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 20m², kho chứa chất thải rắn công nghiệp diện tích 20 m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20m²).

5.3. Danh mục máy móc thiết bị của dự án

Bảng 1.4. Máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất

TT	Chi phí nguyên liệu	Xuất xứ	Số lượng
I	Lắp ráp máy nông nghiệp		
1	Máy khoan	Nhật Bản	5
2	Máy cắt	Nhật Bản	4
3	Máy mài	Nhật Bản	6
4	Máy tiện	Việt Nam	5
5	Máy ép tío	Nhật Bản	6
6	Các máy phụ khác	Trung Quốc	7
7	Máy phát điện	Trung Quốc	1
II	Thiết bị văn phòng		
1	Máy vi tính	Việt Nam	3
2	Máy in	Việt Nam	3

TT	Chi phí nguyên liệu	Xuất xứ	Số lượng
3	Máy fax	Việt Nam	1
4	Tủ hồ sơ	Việt Nam	6
5	Bàn ghế làm việc	Việt Nam	6
6	Thông tin liên lạc	Việt Nam	1

Nguồn: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung.

5.4. Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư 7.191.000.000 VNĐ. Trong đó:

5.5. Nhu cầu về lao động

Dự án sử dụng 185 lao động.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, khu vực nhà máy không nằm trong các vùng ô nhiễm không khí, nước và không nằm trong vùng bảo vệ môi trường sinh thái – phù hợp để đầu tư.

- Loại hình sản xuất của dự án phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 9/02/2018 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

+ Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2015, định hướng đến năm 2030.

+ Quyết định số 1693/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ.

+ Diện tích thuê nhà xưởng để thực hiện dự án được xác định là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nằm trong CCN Hưng Thịnh, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang.

Dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Bình Giang. Bên cạnh đó, việc đầu tư dự án tại đây đã giải quyết công ăn việc làm cho một số lao động địa phương và đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Do vậy, việc xây dựng dự án là phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của huyện Bình Giang nói riêng và tỉnh Hải Dương nói chung.

Dự án nằm trong CCN Hưng Thịnh, xã Vĩnh Hưng. Khu vực quy hoạch CCN Hưng Thịnh nằm gần đường Quốc lộ 5A, thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu

và sản phẩm. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Hưng Thịnh chủ yếu là các ngành công nghiệp nhẹ, ít gây ô nhiễm đến môi trường, bao gồm: May mặc, thêu, lắp ráp điện tử, kinh doanh hàng tiêu dùng, sản xuất hạt nhựa, bao bì carton, cơ khí và chế biến nông sản...

Như vậy loại hình sản xuất của Công ty là sản xuất lắp ráp máy nông – ngư - cơ là hoàn toàn phù hợp với ngành nghề thu hút vào CCN.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đối với môi trường nước: Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương năm quý I, quý II năm 2024 thì chất lượng nước sông, mương trên địa bàn huyện Bình Giang tại một số đợt quan trắc có các chỉ tiêu đạt quy chuẩn cho phép, một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép. Nguyên nhân gây ô nhiễm do sông, mương là nguồn tiếp nhận các nguồn nước thải sinh hoạt của các khu dân cư chưa qua xử lý, nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nước thải của các đơn vị sản xuất,...

- Đối với nội dung môi trường không khí: Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương quý I, quý II năm 2024 thì chất lượng môi trường không khí các khu vực dân cư trên địa bàn huyện Bình Giang tương đối tốt, các thông số quan trắc đều có giá trị đạt QCCP.

- Đối với môi trường đất: Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương quý I, quý II năm 2024 thì chất lượng đất tại các điểm quan trắc trên địa bàn huyện Bình Giang đều đạt QCCP.

- Nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh của công nhân viên được thu gom xử lý sơ bộ qua hệ thống bể phốt, sau đó thu gom vào đường ống đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông – ngư - cơ được Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung thu gom và xử lý đảm bảo các thông số đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam cho phép sau đó mới xả ra môi trường.

Như vậy, việc xả thải của cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường

Chương III

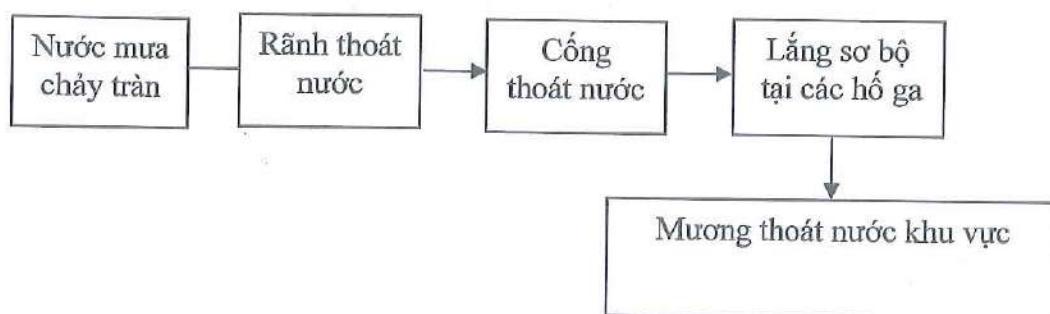
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Công ty sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mưa trên mái và thoát nước bề mặt.

Hệ thống thu gom nước mưa theo sơ đồ sau:



Hình 3.1. Quy trình thu thoát nước mưa của cơ sở

- Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng hệ thống máng thu kết hợp đường ống PVC D90, tự chảy xuống hệ thống rãnh thu nước chạy xung quanh đường nội bộ thu gom cùng nước mưa chảy tràn trên sân đường.

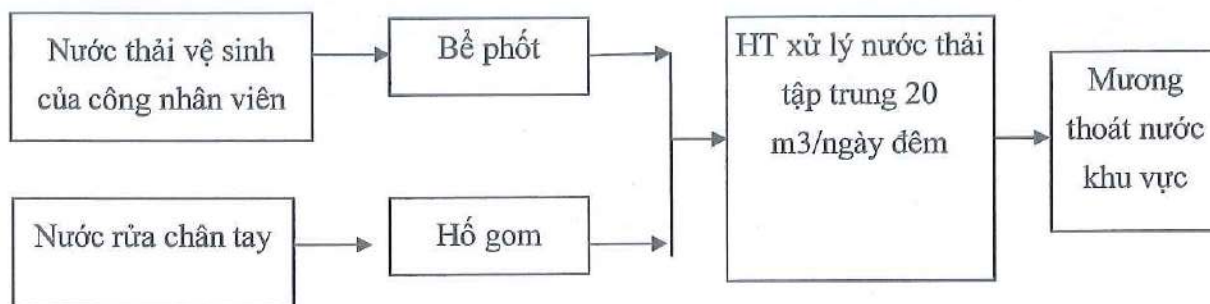
- Nước mưa chảy tràn: thu gom bằng hệ thống cống BTCT D400, I = 0,2; tổng chiều dài 495m, bố trí các song chắn rác và hố ga tại các vị trí ngoặt trên tuyến mương thu gom để thu cặn, hố ga kích thước mỗi hố 0,6mx0,6mx1m, có 12 hố ga, sau đó đầu nối vào hệ thống cống BTCT D600 chiều dài 165m chạy dọc các nhà xưởng thoát ra ngoài mương giáp đường 5B (mương thoát nước cụm công nghiệp).

Bảng 3.1: Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°

Số TT	Tên điểm	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	CXNM	2294228	577887

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy

* Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sinh hoạt từ 03 bể phốt tại 3 khu nhà vệ sinh công nhân và nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đi vào các hố ga, theo đường ống HDPE D300, $i = 0,2$ tổng chiều dài 330m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Về nước thải sản xuất: Không phát sinh.

* Công trình xử lý nước thải

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Nhà máy được thu gom, chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm đã được xây dựng.

Bảng 3.2: Tọa độ vị trí điểm xả nước thải theo Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°:

Số TT	Tên điểm	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	CXNT	2294258	577881

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý sơ bộ nước thải vệ sinh bằng bể tự hoại 3 ngăn

Bảng 3.3. Bảng cân bằng nước của công ty

TT	Nhu cầu sử dụng	Khối lượng (m ³ /ngày đêm)	Khối lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày đêm)
1	Nước cấp sinh hoạt	8,4	8,4
3	Nước tưới cây (bằng khoảng 10% lượng nước sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt)	0,84	-
	Tổng	9,64	8,4

Lượng nước thải phát sinh khoảng: $8,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sản xuất ô tô nông dụng khoảng $8,4 \text{ m}^3$ được xử lý qua bể phốt sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty được xây dựng bên nhà máy sản xuất, gia công máy nông – ngư – cơ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông

- Phân luồng rõ khu vực để xe dành cho cán bộ công nhân viên, và các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy cụ thể như sau:

+ Khu vực nhà để xe của cán bộ công nhân viên Nhà máy được quy hoạch phía Bắc gần cổng ra vào thuận tiện cho việc đi lại và hạn chế việc phát tán bụi, khí thải trong khuôn viên Nhà máy.

+ Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy để không chế nguồn ô nhiễm áp dụng một số biện pháp: xây dựng chế độ vận hành xe, các phương tiện giao thông ra vào hợp lý, xe khi vào đến Công ty phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không được nổ máy.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay... cho công nhân bốc xếp hàng hoá.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan trong khuôn viên Nhà máy để chống ồn, chống bụi và cải thiện môi trường không khí.

2.2. Giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động sản xuất

a. Bụi, khí thải giao thông

Để giảm thiểu các tác động, Công ty sẽ áp dụng những biện pháp sau:

- Có chế độ điều tiết xe vận tải chờ nguyên liệu, sản phẩm hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại các tuyến đường đi vào khu dự án.

- Xe chờ đứng tải trọng theo định mức của động cơ.

- Tất cả xe vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các tuyến đường trong công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh.

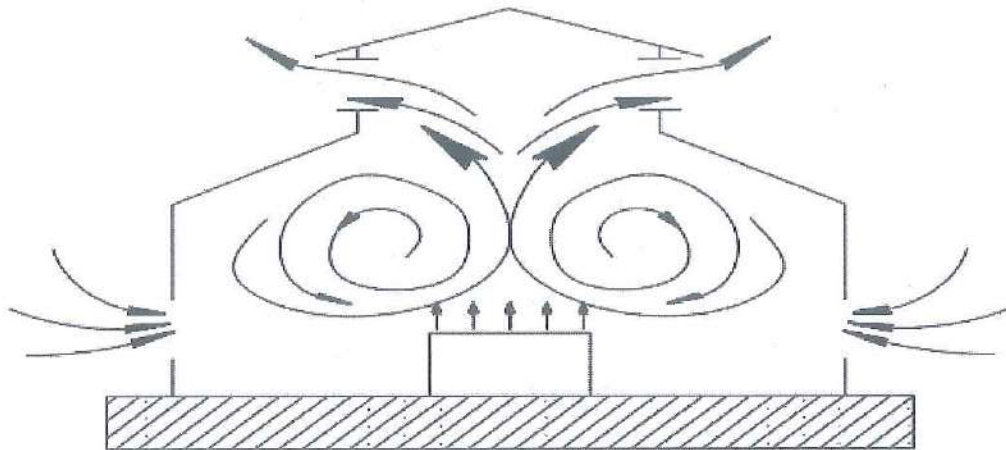
- Trồng cây xung quanh tường bao khuôn viên nhà máy

*** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các công đoạn sản xuất:**

Để giảm thiểu tác động xấu của bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất tới môi trường và sức khỏe người công nhân. Công ty sẽ thực hiện các biện pháp

sau:

- Trang bị khẩu trang đạt tiêu chuẩn (than hoạt tính, ...) và mặt nạ phòng độc cho công nhân làm việc trong nhà máy và đặc biệt là công nhân làm việc tại các bộ phận phát sinh bụi nhiều như hàn.
- Trang bị kính hàn cho công nhân khi hàn.
- Kết thúc ca làm việc, gi, bụi gi rơi vãi sẽ được công nhân quét dọn, thu gom vào vị trí quy định để tránh việc phát tán bụi.
- Các giai đoạn sản xuất được thực hiện lần lượt theo trình tự để tránh việc cộng hưởng của các chất ô nhiễm tại cùng 1 thời điểm.
- Khi sử dụng máy mài cầm tay công nhân phải đeo đầy đủ đồ bảo hộ, găng tay, mũ, khẩu trang để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.
- Xưởng sản xuất được xây dựng trên nguyên tắc thông gió tự nhiên.



Hình 3.3. Nguyên lý hoạt động của hệ thống thông gió tự nhiên

* Nguyên lý hoạt động của hệ thống thông gió tự nhiên:

Thông gió tự nhiên là hiện tượng trao đổi không khí bên trong nhà xưởng và ngoài trời do chênh lệch mật độ không khí. Thông gió tự nhiên được thực hiện nhờ gió, nhiệt hoặc tổng hợp cả hai. Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do đó có sự trao đổi không khí bên ngoài với bên trong. Các phần tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài sẽ tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép và có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên. Như vậy ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là vùng trung hoà. Khi luồng gió đi qua sẽ tạo ra độ chênh cột áp ở 2 phía của nhà xưởng: Ở phía đối diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào nhà xưởng. Ngược lại, ở phía bên

kia của nhà xưởng có dòng không khí xoáy quần nên áp suất giảm xuống tạo nên vùng chân không, có tác dụng hút không khí ra khỏi nhà xưởng.

Khi sử dụng biện pháp thông gió tự nhiên cho các nhà xưởng có hiệu quả cao và đã hạn chế đáng kể các tác động xấu của hơi dung môi hữu cơ đến môi trường và sức khỏe của người lao động.

- Biện pháp khác:

+ Thực hiện bảo dưỡng máy móc định kỳ, tần suất khoảng 3 tháng/lần

+ Công ty thực hiện phân chia khu vực sản xuất, bố trí thời gian vận hành sản xuất hợp lý, tránh chồng chéo gây ô nhiễm cục bộ, tắt những máy móc hoạt động không hiệu quả và tìm giải pháp khắc phục kịp thời

+ Bố trí các khoảng trống thích hợp bên trong khu vực sản xuất.

+ Công ty thiết lập nội quy nhà xưởng sản xuất, trang bị và yêu cầu công nhân sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động như quần áo, bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang, giày,... và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đào tạo đội ngũ công nhân tuyển dụng bổ sung để họ nắm được nội quy của Nhà máy và chấp hành nghiêm túc. Đối với công nhân hàn sẽ trang bị thêm mặt nạ hàn

*** Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình cắt, mài, khoan**

Bụi sắt phát sinh từ quá trình cắt, mài, khoan... trong quá trình sản xuất được xử lý như sau:

+ Bố trí các máy mài, khoan tại những vị trí thích hợp, bố trí trong nhà xưởng để tránh phát tán bụi ra xung quanh khu vực làm việc.

+ Trang bị bảo hộ lao động (kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ).

+ Bố trí lao công sau mỗi ca làm việc sẽ thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp, thu dọn thường xuyên lượng bụi lắng trên sàn và đổ vào nơi quy định trước khi đem xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu bụi tại công đoạn máy làm sạch bề mặt.**

Các chi tiết được đưa vào trong khu vực buồng phun hạt mài tại đây có một hệ thống phun hạt mài với vận tốc rất lớn để hạt cát có thể trượt trên bề mặt của chi tiết, nhờ có lực ma sát khi hạt mài tiếp xúc với bề mặt của chi tiết mà bề mặt của chi tiết được làm sạch.

Trong quá trình làm sạch có phát sinh ra bụi gỉ sắt, các hạt hạt mài bắn ra đập vào vách và rơi xuống sàng thu hồi.

Lượng bụi rỉ sét phát sinh (bụi kim loại) là khoảng 10 kg/năm (0,03 kg/ngày)

Lượng bụi rơi sét rơi xuống sẽ được công nhân thu gom vào thùng và thuê đơn vị xử lý, tần suất thu gom vận chuyển là 2 tháng/lần.

Hạt mài được thu hồi và sử dụng tuần hoàn lại nhiều lần, thông thường thời gian khoảng 1 năm thì công ty sẽ tiến hành thay hạt mài 1 lần. Hạt mài thải sẽ được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

Công nhân làm việc tại công đoạn này sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động như: mũ, kính, gang tay, quần áo riêng, dây ...

***Biện pháp giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi**

Buồng phun sơn được trang bị 1-2 súng phun áp suất cao, có:

- Công suất mỗi cái: $Q_{max} = 6 \text{ lít/phút} - 360 \text{ lít/h}$
- Áp suất làm việc: 450 kg/cm^2

Biện pháp sơn sử dụng tại nhà máy là sơn khô tĩnh điện

Buồng phun sơn kết cấu kín, biệt lập và có không gian phụ trợ rộng, nằm trong khu vực riêng bao kín với các khu vực khác trong xưởng, do vậy bụi sơn sẽ tự phân tán bám dính trên sàn hoặc tường buồng sơn và khô đi, sau khoảng thời gian nhất định làm vệ sinh tẩy cạo các lớp sơn khô, tập trung xử lý theo quy định mà không cần trang bị thêm hệ thống hút bụi sơn. Với biện pháp xử lý này thì lượng bụi sơn do bám dính được tẩy cạo đi đạt khoảng 90% - 95%.

Do đặc thù của nhà máy là có các cấu kiện to, kích thước chiều dài lớn, do vậy để đảm bảo hơi dung môi hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường công ty tiến hành lót bạt và che chắn bạt, vách ngăn xung quanh nhằm giảm thiểu tối đa sự phát tán của hơi dung môi, bụi sơn ra ngoài môi trường. Đồng thời, công ty thực hiện các biện pháp sau:

Lót bạt là chất liệu PVC dưới các chi tiết cần sơn, kích thước bạt là khổ 6m dài 12m. Lượng bụi sơn rơi xuống bạt, bám vào các lớp bạt xung quanh sẽ được công nhân của Nhà máy tiến hành cạo, thu gom hoặc thay thế bạt mới khi lớp sơn bám dính đã dày.

Bụi sơn bám dính lên các giá sản phẩm cần sơn sẽ được công nhân của Nhà máy tiến hành cạo, thu gom ngay sau khi phun sơn và hết ca làm việc.

Bạt lót chứa bụi sơn khi không còn sử dụng được, Công ty tiến hành thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng đến xử lý.

Ngoài ra công nhân thao tác trong buồng sơn sử dụng dụng cụ phòng hộ lao động là mặt phin lọc và cấp không khí sạch theo trang bị. Bên cạnh đó, công ty tiến hành vệ sinh công nghiệp tần suất 1 lần/tháng để đảm bảo quy trình sản xuất.

Khu vực sơn được bố trí riêng trong nhà xưởng, quây và lót bạt để hạn chế việc phát tán bụi sơn ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân thực hiện tại công đoạn sơn.

*** Biện pháp xử lý khói hàn**

Quá trình hàn sẽ tạo ra khói hàn và tia hồ quang tác động trực tiếp đến người công nhân trong khu sản xuất. Để giảm thiểu các tác động này Cơ sở thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khói hàn bằng phương pháp thông thoáng nhà xưởng. Nhà xưởng xây dựng cao, có cửa mái. Sử dụng quạt cây công nghiệp để thông thoáng khu vực làm việc, giảm tác động của khói hàn đến công nhân làm việc.

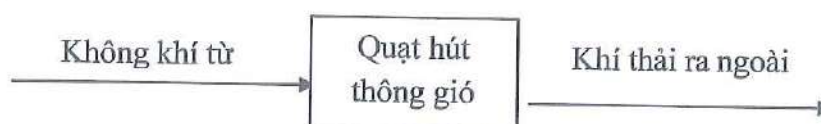
- Người thợ hàn có vị trí hàn thích hợp
- Mặt người thợ hàn phải hướng cùng chiều của hướng gió
- Sử dụng các loại kính bảo vệ, mặt nạ, mũ bảo hộ, bảo vệ mặt và mắt.
- Trang bị bảo hộ lao động đáp ứng yêu cầu quy trình hàn tránh sự tiếp xúc của da và bức xạ điện từ

Giải pháp hạn chế ô nhiễm nhiệt

Để hạn chế ô nhiễm nhiệt trong các phân xưởng, áp dụng theo 2 giải pháp sau:

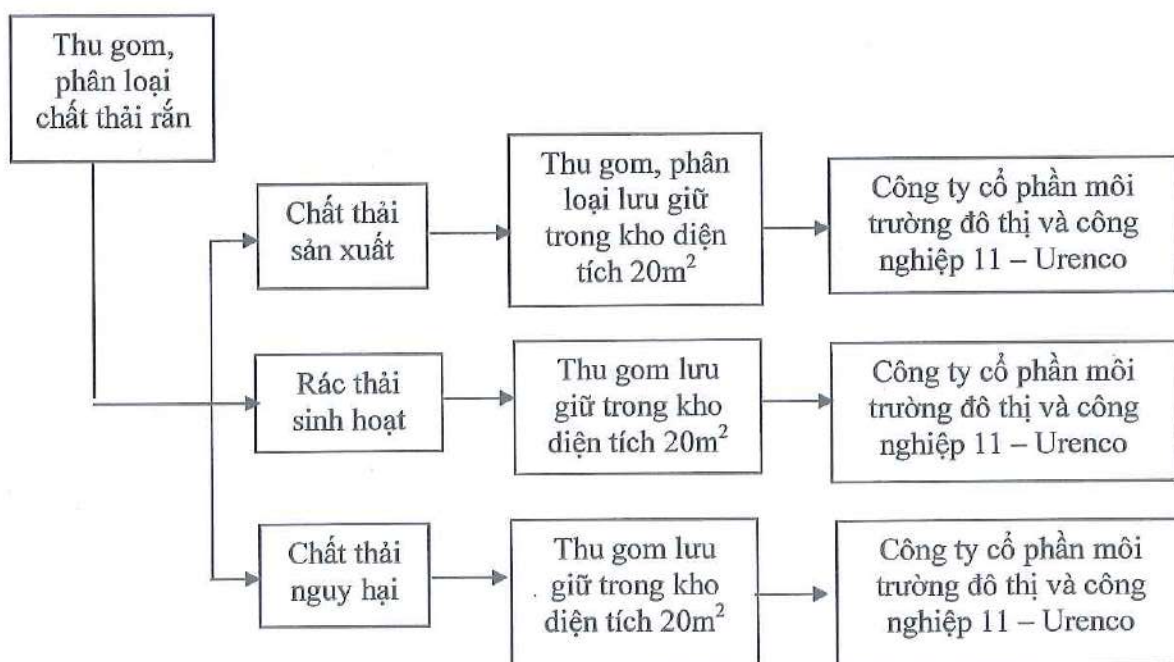
+ Thông thoáng nhà xưởng tự nhiên: là phương pháp lợi dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất và gió giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng. Nguyên lý hoạt động của phương pháp này như sau: Dòng không khí đi qua các cửa chính và cửa sổ của phân xưởng tạo ra dòng không khí xoáy đi lên phía trên tầng mái và thoát ra ngoài trời qua các cửa thông gió bố trí trên tầng mái. Khi dòng khí đi lên phía trên sẽ kéo theo các khí độc bên trong nhà xưởng thoát ra ngoài.

+ Thông gió cưỡng bức (sử dụng quạt hút gió): Sử dụng hệ thống hút gió, đẩy gió công nghiệp có công suất lớn tại các nhà xưởng sản xuất. Không khí trước khi thải ra môi trường cần được làm sạch bằng màng lọc có khả năng thu bụi. hệ thống thu hồi bụi được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3.4. Nguyên lý của hệ thống thông gió cưỡng bức

2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại



Hình 3.5. Sơ đồ thu gom và xử lý chất thải rắn của Công ty

Hiện tại Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung đã tiến hành xây dựng và bố trí các kho chứa rác thải thông thường và rác thải nguy hại: kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 20m^2 , kho chứa chất thải rắn công nghiệp diện tích 20m^2 , kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20m^2 .

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Dự án sử dụng 185 lao động, định mức phát sinh chất thải rắn khoảng $0,5\text{kg}/\text{người}/\text{ngày}$, tổng lượng phát sinh khoảng: $185 \times 0,5 = 92,5\text{ kg}/\text{ngày} = 28,860\text{ kg}/\text{năm}$ tương đương 28,8 tấn/năm (tính toán với tổng số ngày hoạt động của công ty là 312 ngày/năm).

Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng phi sắt loại 200 lít có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh chất thải như khu nhà văn phòng, khu nhà xưởng sản xuất, khu nhà kho.

- Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt:

+ Diện tích 10m^2 .

+ Kết cấu: Nền bê tông, tường xây bằng gạch, trát vữa, sơn, mái tôn, cửa bằng tôn.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11, địa chỉ xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Nhà nước.

Cơ sở thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

Bố trí 03 thùng chứa được ký hiệu hướng dẫn phân loại tại nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác

Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm các vật dụng, dụng cụ, đồ dùng làm bằng nhựa, kim loại bị thải bỏ và các loại chất thải vô cơ có khả năng tái sử dụng, tái chế khác được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế (bán phế liệu);

- Chất thải thực phẩm gồm thức ăn dư thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, hư hỏng; các phần rau, củ, quả, thực phẩm thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến; rác làm vườn và các loại rác dễ phân huỷ khác được khuyến khích thu gom để tận dụng tối đa để làm phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm các loại chất thải rắn còn lại ngoài hai loại trên, có đặc tính khó phân huỷ và không có khả năng sử dụng hoặc chế biến lại được chứa, đựng trong các thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Trang bị các thùng chứa HDPE dung tích 20-120 lít/thùng đặt tại khu văn phòng, nhà ăn và khu vực nhà bếp để lưu chứa tạm thời và bố trí 01 công nhân vệ sinh để thực hiện công việc thu gom và dọn vệ sinh và chuyển cho đơn vị thu gom rác của địa phương xử lý, tần suất 1 ngày/lần.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng rác thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất hiện nay của công ty khoảng 5.000 kg/năm chủ yếu là giấy photo, bìa carton, vỏ bao bì đựng nguyên liệu sản phẩm, bavia thừa... Lượng rác thải phát sinh này mỗi ngày được nhân viên vệ sinh tiến hành thu gom về khu vực lưu chứa.

Bảng 3.4. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	600
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	700
3	Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 07	1.500
4	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 06	5

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Hộp chứa mực (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	15
6	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải	12 06 13	2.160
7	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	20
	Tổng		5.000

- Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí các thùng chứa, bao tải loại 200kg đặt trong khu vực lưu giữ.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích 20m²;

+ Kết cấu: Nền bê tông, tường xây bằng gạch, trát vữa, sơn, mái tôn, cửa bằng tôn.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco11, địa chỉ xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Nhà nước.

c. Chất thải nguy hại

Bảng 3.5. Khối lượng chất thải nguy hại của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn (loại có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	2.680
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	24
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	1.240
4	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	480
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	600
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu học dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	240
7	Pin, ắc quy khác thải	19 06 05	50
	Tổng		5.314

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Phân loại chất thải ngay tại nguồn.
- Thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại: Bố trí 5 thùng phi sắt loại 200l và một số loại Bao bì, thùng, can có nắp đậy đặt trong kho chứa để lưu giữ chất thải nguy hại.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:
 - + Diện tích 10m²;
 - + Kết cấu: Nền bê tông, tường xây bằng gạch, trát vữa, sơn, mái tôn, cửa bằng tôn.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco11, địa chỉ xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của Nhà nước.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Lắp đặt các đệm cao su chống rung cho máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra thăng bằng của các thiết bị, kiểm tra mài mòn chi tiết để thay thế.
- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Đối với biện pháp PCCC

❖ Các hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.
- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.
- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.
- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.
- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.
- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại Cơ sở về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.
- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.
- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định.
- Thành lập đội PCCC trong Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót về công tác PCCC.

❖ ***Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:***

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn Cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.
 - Cắt điện tại khu vực cháy.
 - Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị tại Cơ sở.
 - Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.
- b. Biện pháp phòng chống sự cố đối với hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải***
- Có kế hoạch thường xuyên và định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hấp thụ, quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải, nếu phát hiện hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố, Công ty cử cán bộ tìm kiếm nguyên nhân, khắc phục và sửa chữa kịp thời. Sau khi khắc phục xong sự cố mới cho hệ thống hoạt động trở lại vào hoạt động trở lại.

c. Biện pháp phòng cháy các thiết bị điện

- Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ khi quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

- Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm chống chập mạch dẫn đến cháy nổ theo phản ứng dây chuyền.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của công ty như hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

d. An toàn lao động

- Tổ chức các lớp huấn luyện về vệ sinh và an toàn lao động.

- Lập bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị, máy móc. Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi sản xuất, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc để ngăn ngừa tai nạn.

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.

- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị máy móc.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.

- 100% cán bộ, công nhân trong Công ty được mua bảo hiểm y tế. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 lần/năm.

**** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động***

- Ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị và các hoạt động tại nơi có sự cố.

- Không được buộc người lao động tiếp tục làm việc hoặc trở lại nơi làm việc khi các nguy hiểm chưa được khắc phục.

- Thực hiện các biện pháp để cứu người và tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.

- Bố trí phòng nằm nghỉ, nằm chờ cho người lao động khi gặp sự cố an toàn lao động tại văn phòng và căn tin.

- Kịp thời thông báo với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố.

e. Giải pháp an toàn giao thông

- Phân luồng giao thông phù hợp, có kế hoạch điều động xe vận tải một cách khoa học nhằm tránh hiện tượng kẹt xe nhất là vào giờ cao điểm.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe nhằm phòng tránh tai nạn giao thông, rò rỉ nhiên liệu và cháy nổ thùng xe.

- Nghiêm cấm vận tải vượt quá tải trọng của xe quy định.

- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục lái xe về tuân thủ các quy định an toàn giao thông.

h. Biện pháp phòng chống dịch bệnh

Để phòng ngừa sự cố dịch bệnh có thể xảy ra, Công ty tiến hành các biện pháp sau:

- Tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên trong công ty sống lành mạnh, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Thành lập ban chỉ đạo phòng, chống dịch tại Công ty.

- Tuyên truyền cho CBCNV về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh như sau:

+ Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn có cồn (ít nhất 60% cồn).

+ Đeo khẩu trang nơi công cộng, trên phương tiện giao thông công cộng và đến cơ sở y tế.

+ Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng. Che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khăn giấy, khăn vải, khuỷu tay áo.

+ Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh.

+ Vệ sinh thông thoáng nhà cửa, lau rửa các bề mặt hay tiếp xúc.

+ Khi có dấu hiệu sốt, ho, hắt hơi, và khó thở, người dân hãy tự cách ly tại nhà, đeo khẩu trang và gọi cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám và điều trị.

+ Tự cách ly, theo dõi sức khỏe, khai báo y tế đầy đủ nếu trở về từ vùng dịch.

+ Thực hiện khai báo y tế trực tuyến tại các ứng dụng khai báo y tế trên và thường xuyên cập nhật tình trạng sức khỏe của bản thân.

Các biện pháp ứng phó sự cố dịch bệnh: Khi có dịch bệnh phát sinh, Ban phòng chống dịch sẽ kết hợp với chính quyền và các cơ quan y tế địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời:

+ Áp dụng các biện pháp cách ly ngăn chặn sự phát tán của dịch bệnh ra khu vực dân cư lân cận.

+ Khoanh vùng dịch bệnh, làm công tác vệ sinh như phun chất khử trùng.

+ Rà soát người ra vào Công ty trong thời gian có khả năng lây nhiễm dịch bệnh.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông - ngư - cơ.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô nông dụng.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của Công ty sau khi xử lý đạt QCCP được đầu nối vào mương thoát nước phía trước dự án (phía Tây Bắc). Mương do UBND xã Vĩnh Hưng quản lý, do HTX dịch vụ nông nghiệp vận hành và khai thác.

- Vị trí xả thải :

Tọa độ xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

X (m) = 2305273 ; Y (m) = 625880

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Phương thức xả nước thải:

+ Xả mặt, xả vào mương thoát nước. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24 giờ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào ra mương tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B, ($K = 1,2$; $C_{\max} = C \times K$), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các thông số của nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTNMT		
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	75		
4	TSS	mg/l	120		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTN MT		
5	TDS	mg/l	1.200		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
8	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Coliforms	MNP/10 0 ml	6.000		

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.2.1. Dòng khí thải: 1 dòng khí thải gồm:

- Dòng khí thải: Tương ứng với Ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, khí thải khu vực phun sơn, lưu lượng 14.000 m³/h.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰):

- Dòng khí thải: tọa độ vị trí xả khí thải X(m): 2294227; Y(m): 577967.

2.3. Tổng lưu lượng xả tối đa của 4 dòng khí thải: 43.000 m³/h.

2.4. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN19:2009/BTNMT (cột B, các hệ số K_p = 0,9 và K_v = 1,2) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN20:2009/BTNMT).

Bảng 4.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải nhà máy

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BT NMT Cột B, giá trị	QCVN 20:2009/ BTNM T	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	216	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	1.080	-		
3	SO ₂	mg/Nm ³	540	-		
4	NO _x	mg/Nm ³	918	-		
5	n-Butyl Axetat	mg/Nm ³	-	950		
6	Etylaxetat	mg/Nm ³	-	1.400		
7	Cyclohexanon	mg/Nm ³	-	400		
8	n-butanol	mg/Nm ³	-	360		
9	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
10	Xylen	mg/Nm ³	-	870		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực gia công

- Vị trí phát sinh: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

+ Tọa độ nguồn số 01: X (m) = 2305242 ; Y (m) = 625842

+ Tọa độ nguồn số 02: X (m) = 2305211 ; Y (m) = 625755

- **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/ BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

4. Quản lý chất thải

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại của cơ sở

Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại của cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn (loại có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	2.680
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	24
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	1.240
4	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	480
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	600
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu học dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	240
7	Pin, ắc quy khác thải	19 06 05	50
Tổng			5.314

Thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại: Bố trí 5 thùng phi sắt loại 200l và một số loại Bao bì, thùng, can có nắp đậy đặt trong kho chứa để lưu giữ chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Bảng 4.5. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	600
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	700
3	Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 07	1.500
4	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 06	5
5	Hộp chứa mực (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	08 02 08	15
6	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải	12 06 13	2.160
7	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	20
	Tổng		5.000

- Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí các thùng chứa và các bao tải loại 200kg đặt trong khu vực lưu giữ.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Rác thải sinh hoạt chủ yếu là vỏ bao bì đựng thức ăn, thức ăn thừa hỏng phát sinh khoảng 28,8 tấn/năm.

Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 04 thùng phi sắt loại 200 lít có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh chất thải như khu nhà văn phòng, khu nhà xưởng sản xuất, khu nhà kho.

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Dự án thuộc đối tượng không phải quan trắc nước thải và khí thải.

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ
CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

TT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất hoạt động của dự án tại thời điểm hoạt động vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m ³ /ngày	03/2025	09/2025	100 % công suất thiết kế
2	HTXL khí thải phòng phun sơn tự động	03/2025	09/2025	100 % công suất thiết kế

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Thông số	Tần suất	Thời gian
Ống thoát khí thải tại HTXL khí thải phòng phun thủ công	KT1	Lưu lượng, bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x , n-Butyl Axetat, Etylaxetat, Cyclohexanon, n-butanol Toluene, Xylene	01 ngày/lần lấy 03 ngày liên tiếp	Trong thời gian VHTN
Nước thải đầu vào hệ thống xử lý (lấy tại bể thu gom)	NT1	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat (NO ₃), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất	01 ngày/lần lấy 03 ngày liên tiếp	Trong thời gian VHTN
Nước thải sau hệ thống xử lý	NT2			

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Thông số	Tần suất	Thời gian
		hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}), Coliforms.		

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

- Công ty cổ phần khoa học công nghệ môi trường
- Địa chỉ: số 26- TT8 KĐT Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại: 02466886246

Công ty cổ phần khoa học công nghệ môi trường đã được cấp giấy phép đủ điều kiện hoạt động theo nghị định 127/NĐ-CP ngày 31/12/2014 Quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số VIMCERT 319 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục nước thải và khí thải.

Do vậy chủ dự án không đề xuất hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ hằng năm.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của cơ sở; thực hiện thu gom, thuê xử lý đối với các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định, không được thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường.

Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đảm bảo phù hợp với nội dung được chấp thuận, chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu, tính pháp lý của hồ sơ đề nghị và các thành phần hồ sơ kèm theo, năng lực của các đơn vị tham gia thực hiện dự án, lập hồ sơ hoàn công, tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Chủ cơ sở sẽ vận hành hệ thống xử lý bụi và khí thải phòng phun sơn thủ công, phun sơn tự động trong suốt thời gian thực hiện sơn thủ công, sơn tự động để hệ thống hoạt động thường xuyên để đảm bảo không khí trong lành bên trong xưởng cho người lao động.

Chủ cơ sở cam kết chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, không để ảnh hưởng tới khu dân cư thôn Tiêu Lâm.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

* Khí thải: Các chất ô nhiễm của khí thải sau hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt các tiêu chuẩn sau:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

* Tiếng ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động ổn định của cơ sở sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Độ rung: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình thi công xây dựng và hoạt động ổn định của cơ sở sẽ đạt các quy chuẩn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc.

* Nước thải: Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu

nối hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải của dự án.

* *Chất thải rắn*: Tuân thủ đầy đủ các nội dung của các quy định về thu gom, xử lý chất thải rắn - Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

* *Chất thải nguy hại*: Tuân thủ đầy đủ các nội dung của các quy định về thu gom, xử lý chất thải nguy hại - Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- + Cam kết các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ đầu tư cam kết sẽ nộp các loại phí về BVMT đầy đủ và đúng theo thời gian quy định.
- Chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường.
- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác giữ gìn trật tự an ninh xã hội, tham gia vào các phong trào do địa phương phát động,...
- Chủ đầu tư cam kết lập hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường nếu cơ sở có thay đổi về quy mô, loại hình kinh doanh, thay đổi công nghệ xử lý.
- Chủ đầu tư cam kết bồi thường thiệt hại cho các cơ sở lân cận khi có sự cố xảy ra và ảnh hưởng tới các cơ sở đó.
- Cam kết thực hiện đúng và đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã đề ra trong báo cáo.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. HỒ SƠ PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0800245513 đăng ký lần đầu ngày 07/08/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/12/2019. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương.
2. Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất lắp ráp máy nông – ngư – cơ.
3. Hợp đồng thuê đất số 189/HĐ-TĐ ngày 7/6/2002 giữa Sở địa chính tỉnh Hải Dương và Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung.
4. Phiếu xác nhận bản đăng kí đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất lắp ráp máy Nông – Ngư – Cơ của Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung tại địa điểm Km18+800 quốc lộ 5A, địa phận xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
5. Sổ đăng kí chủ nguồn chất thải nguy hại mã số QLCTNH 30.000148.T
6. Biên bản làm việc của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương tại Công ty Cổ phần pahts triển quốc tế Việt Trung ngày 13/6/2022.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0800245513

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 08 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 19 tháng 12 năm 2019

(chuyển đổi từ Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ VIỆT TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET TRUNG INTERNATIONAL DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET TRUNG JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km 34, quốc lộ 5A, Xã Vĩnh Hưng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0220.3776555

Fax: 0220.3776666

Email: ctycophanviettrung@gmail.com

Website: <http://www.viettrungcompany.com.vn>

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 11.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03/02/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030077000589

Ngày cấp: 18/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 126 Trần Hưng Đạo, khu 4, Thị trấn Kê Sắt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 126 Trần Hưng Đạo, khu 4, Thị trấn Kê Sắt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Số: 2962 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông - ngư - cơ (điều chỉnh lần thứ nhất)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 3632/BC-SKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Hồ sơ đề xuất thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông - ngư - cơ của Công ty cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp máy nông - ngư - cơ (điều chỉnh lần thứ nhất), với những nội dung chính như sau:

1. Nhà đầu tư và thông tin về Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ VIỆT TRUNG (*chuyển đổi từ Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung*), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0800245513, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 12 năm 2019.

Địa chỉ trụ sở chính: Km 34, Quốc lộ 5A, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP MÁY NÔNG - NGƯ - CƠ**

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất, lắp ráp động cơ diesel, máy cày tay, máy trà gạo, máy đập lúa nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Quy mô dự án:

4.1. Quy mô sản xuất: 6.800 sản phẩm/năm.

4.2. Diện tích đất sử dụng: 9.900,0 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 317445 do UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung ngày 05 tháng 8 năm 2002).

4.3. Quy mô xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổng vốn đầu tư dự án (đã thực hiện): 7.191.000.000 VND (*Bảy tỷ, một trăm chín mươi một triệu đồng*), trong đó Nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn tự có và tự huy động các nguồn vốn khác để thực hiện dự án.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Km 18+800, Quốc lộ 5A, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động từ năm 2003.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, phòng, chống cháy nổ và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Công văn số 163/CV-UB ngày 12 tháng 3 năm 2002 của UBND tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Vĩnh Hưng (huyện Bình Giang);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 489/HD - TĐ

Hải Dương, ngày 07 tháng 6 năm 2002

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001.

- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính Phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính Phủ.

- Căn cứ Thông tư số 2074/TT-TCDC ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn trình tự lập, xét duyệt hồ sơ xin giao đất, thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước.

- Căn cứ quyết định số 733/QĐ-UB ngày 21 tháng 03 năm 2002 của UBND tỉnh Hải Dương V/v : Cho Công ty trách nhiệm hữu hạn máy nông nghiệp Việt Trung thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất.

- Căn cứ quyết định số 2379/QĐ-UB ngày 13 tháng 05 năm 2002 của UBND tỉnh Hải Dương V/v phê duyệt phương án bồi thường, giá thuê đất khi thu hồi đất Cho Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung thuê.

1. Bên cho thuê đất (Bên A) :

Đại diện Bên A- Sở Địa Chính tỉnh Hải Dương

Họ tên : NGUYỄN XUÂN THIỆU

Chức vụ : Phó Giám đốc

Trụ sở : Xã Tứ Minh - Thành Phố Hải Dương- tỉnh Hải Dương.

Tài khoản:

2. Bên thuê đất (Bên B) :

Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung

Họ tên : PHẠM VĂN VINH

Chức vụ : Giám đốc

Trụ sở: 128 Trần Hưng Đạo - Thị Trấn Kẻ Sặt- Bình Giang- Hải Dương

Tài khoản:

3. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau**Điều 1** Bên A cho bên B thuê khu đất sau:1- Diện tích đất 9.900 m² (Chín ngàn chín trăm . mét vuông).

Vị trí thuộc: Xã Hưng Thịnh- huyện Bình Giang- tỉnh Hải Dương. Để sử dụng vào mục đích Xây dựng trụ sở Làm việc và Nhà xưởng sản xuất .

2- Vị trí khu đất nói trên được xác định theo tờ bản đồ số 03 tỷ lệ 1/1000 do UBND xã Hưng Thịnh, phòng Địa chính Bình Giang và Sở Địa chính xác lập ngày 13/03/2002.

3- Thời hạn thuê đất : 20 năm (Hai mươi năm). Kể từ ngày 21 tháng 03 năm 2002 đến ngày 21 tháng 03 năm 2022.

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2.

Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo đúng quy định.

1. Giá tiền thuê đất là: 1.020 đồng/ m²/ năm hoặc 10.200.000 đồng/ ha/ năm.

Mức tiền thuê đất phải nộp một năm là: 10.098.000 đồng/năm

2. Tiền thuê đất tính từ ngày 03 tháng 06 năm 2002 và nộp tại kho bạc Nhà Nước tỉnh Hải dương,

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: *Hàng năm.*

Điều 3.

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 4.

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển quyền sử dụng đất thuê nếu không đủ các điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp Luật Đất Đai.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A đảm bảo quyền sử dụng đất của bên B, không chuyển giao quyền sử dụng đất trên cho các tổ chức và cá nhân khác khi chưa được bên B thoả thuận.

2. Trường hợp bên B bị chia tách, sát nhập hoặc chuyển đổi doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức , cá nhân khác mà tạo nên pháp nhân mới thì pháp nhân mới phải làm lại thủ tục thuê đất. Thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại của Hợp đồng này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao khu đất thuê cho pháp nhân mới.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thì hành, nếu Bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì Bên B phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau :

a- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

b- Do đề nghị của một bên hoặc các bên và được cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp nhận.

c- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể.

d- Bên B bị cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm các quy định của Pháp Luật về Đất đai.

Điều 5:

Hai bên thoả thuận giải quyết tài sản gắn liền với việc sử dụng đất sau khi kết thúc hợp đồng này theo quy định của Pháp Luật.

Điều 6:

Tranh chấp giữa hai bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 7:

Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp Luật.

Các cam kết khác (nếu có).....

Điều 8:

Hợp đồng này được ký tại Sở Địa chính tỉnh Hải Dương, ngày 07 tháng 06 năm 2002, được lập thành 6 (sáu) bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản. Cơ quan Địa chính có trách nhiệm gửi Hợp đồng thuê đất đến cơ quan Tài chính, Thuế, Kho bạc nhà nước cấp Tỉnh, Huyện và cơ quan Địa chính cấp trên trực tiếp.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký././H

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
PHẠM VĂN VINH

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thiệu

Số: 163 /KHCMNT.

Hải Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2002.

**PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

Của Dự án: Xây dựng Nhà Máy sản xuất lắp ráp máy Nông - Ngư - Cơ
của Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung tại địa điểm km 18 + 800 quốc lộ 5A,
địa phận xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG**

XÁC NHẬN

Điều 1: Dự án: Xây dựng Nhà Máy sản xuất lắp ráp máy Nông - Ngư - Cơ của Công ty TNHH máy nông nghiệp Việt Trung tại địa điểm km 18 + 800 quốc lộ 5A, địa phận xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã trình báo cáo nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, ngày 09 tháng 12 năm 2002.

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và không chế ô nhiễm đảm bảo như quy định tại trang 2 của phiếu xác nhận.

Điều 3: Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4: Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình (nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh) và khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giám sát thực hiện.

SỞ KHOA HỌC, CN&MT

Giám đốc

Nơi nhận:

- Chủ dự án.
- Bộ KHCMNT.
- UBND tỉnh Hải Dương.
- Sở KHCMNT.
- Lưu QLMTg.



Hà Bạch Đằng

Hải Dương, ngày 24 tháng 5 năm 2010

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 30.000148.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT TRUNG

Địa chỉ văn phòng: Xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.775.089 Fax: 03203.776.666

Giấy chứng nhận đầu tư số: 0800245513 cấp ngày 14/7/2009 (cấp đổi lần 04)

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Tên cơ sở phát sinh CTNH: CÔNG TY TNHH MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT TRUNG

Địa chỉ cơ sở: Xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.775.089 Fax: 03203.776.666

II. Nội dung đăng ký:

Công ty TNHH Máy nông nghiệp Việt Trung đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương danh sách chất thải nguy hại, danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty (Phụ lục trang 2 kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4. Khi thay đổi địa điểm cơ sở hoặc chủ nguồn thải; thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng (>15%) lượng CTNH đã đăng ký phát sinh Công ty phải báo cáo cho cơ quan cấp Sổ để điều chỉnh cho phù hợp.
5. Khi thực hiện việc chuyển giao trách nhiệm xử lý chất thải nguy hại với bên tiếp nhận trách nhiệm xử lý được thực hiện bằng hợp đồng, có xác nhận của Chi cục Bảo vệ Môi trường.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có hiệu lực từ ngày 24/5/2010

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MNN Việt Trung;
- Lưu Chi cục BVMT.



CHI CỤC TRƯỞNG

Vũ Đình Hiến



Phụ lục

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 30.000148.T do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương cấp ngày 24 tháng 5 năm 2010)

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty TNHH Máy nông nghiệp Việt Trung:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Dung dịch nước tẩy rửa có thành phần nguy hại	Lỏng	100	07 01 06
2	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	30	07 03 05
3	Bùn cặn sơn thải	Rắn/lỏng	175	08 01 03
4	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (hộp dầu, hộp sơn, phi dầu, xăng, dung môi...)	Rắn	500	18 01 01
5	Giẻ lau, vật liệu dính dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	70	18 02 01
	Tổng		875	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty TNHH Máy nông nghiệp Việt Trung:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)
1	Đầu mẫu vụn sắt phế	Rắn	8000
2	Bao bì carton, nilon, giấy vụn	Rắn	2000
3	Xỉ hàn	Rắn	30
4	Rác thải sinh hoạt	Rắn	500
5	Nước thải sản xuất	Lỏng	93 m ³
6	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	115 m ³

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

(Một bộ hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ được Chi cục Bảo vệ Môi trường đóng dấu xác nhận)

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường./.

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại phòng làm việc của Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Chúng tôi gồm có:

Sở Tài nguyên và Môi trường

- Ông Đỗ Tiến Dũng - Phó Giám đốc;
- Ông Nguyễn Anh Thắng - Chuyên viên - Chi cục Bảo vệ môi trường;

Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường

- Ông Nguyễn Anh Dũng - CB phòng cảnh sát

Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Giang

- Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Chuyên viên

Đại diện đơn vị tham gia lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường

- Ông Nguyễn Mạnh Việt - CB của Trung tâm

Đại diện Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung

- Ông Phạm Tuấn Anh - Tổng Giám đốc Công ty;
- Ông Nguyễn Cao Cường - CB Công ty.

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức buổi làm việc để kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nội dung làm việc cụ thể như sau:

1. Ông Đỗ Tiến Dũng - Phó Giám đốc nêu rõ lý do, giới thiệu thành phần, thống nhất nội dung, chương trình làm việc.
2. Toàn bộ các thành phần tham dự buổi làm việc hoàn toàn nhất trí với nội dung, chương trình làm việc mà ông Đỗ Tiến Dũng đã nêu.
3. Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung báo cáo và khẳng định các nội dung sau:

3.1. Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung:

Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung hoạt động theo Giấy chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh tại văn bản số 163/CV-UB ngày 12/03/2002 và Giấy chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh tại văn bản số 432/CV-UB ngày 10/6/2003; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 0800245513 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 07/08/2001 đăng ký

thay đổi lần thứ 7 ngày 19/12/2019.

Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2001 và hiện tại Công ty đang hoạt động sản xuất, lắp ráp má nông ngư cơ, xe ô tô tải, các sản phẩm cơ khí..., tổng cán bộ công nhân viên của Công ty là 255 người, lượng nước phát sinh trung bình 342 m³/ngày.

3.2. Về thủ tục bảo vệ môi trường

Công ty đã được xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường tại văn bản số 222/TN&MT ngày 06/6/2005; Công ty đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số QLCTNH 30.000148.T ngày 29/4/2016; Công ty đã quan trắc môi trường định kỳ; Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3.3. Việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

* Nước thải

- Lượng nước thải phát sinh khoảng 342 m³/tháng chủ yếu là nước thải nhà ăn và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh được xử lý qua bể lắng trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất chủ yếu là nước thải khu vực phun sơn khoảng 1m³/ngày đêm được thu gom vào bể điều hòa → bể tách dầu → bể xử lý sinh học → bể lắng trước khi thải ra ngoài môi trường.

* Chất thải rắn

Đối với chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Urenco 11 đến vận chuyển đi xử lý.

4. Đoàn làm việc tiến hành khảo sát hiện trạng dưới sự chỉ dẫn của đại diện Công ty, kết quả tại thời điểm khảo sát:

Công ty đang hoạt động sản xuất, lắp ráp má nông ngư cơ, xe ô tô tải, các sản phẩm cơ khí..., ngoài ra Công ty có hoạt động sản xuất và lắp ráp xe địa hình (xe máy và ô tô); Chất thải nguy hại phát sinh không được thu gom lưu chứa vào kho chứa chất thải nguy hại tạm thời theo quy định; Công ty có sử dụng lò đốt để đốt rác có dính sơn để tái sử dụng; Nước thải phát sinh trong hoạt động sản xuất được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể gom và lắng trước khi chảy chung vào hệ thống thoát nước mưa của Công ty trước khi chảy ra ngoài môi trường phía trước cổng Công ty qua 03 cửa xả giáp đường 5.

5. Kết luận sơ bộ

Công ty đã được xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường tại văn bản số 222/TN&MT ngày 06/6/2005; Công ty đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số QLCTNH 30.000148.T ngày 29/4/2016; Căn cứ kết quả làm việc, Đoàn làm việc yêu cầu Công ty:

- Công ty chưa thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2021;
- Công ty chưa được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Công ty chưa có hồ sơ pháp lý liên quan đến việc lắp ráp xe địa hình (ô tô và xe máy);
- Công ty chưa phân lập nước thải và nước mặt;



- Công ty phải thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất vào kho chứa chất thải nguy hại tạm thời theo đúng quy định;

- Công ty tạm dừng ngay hoạt động lò đốt các móc có dính sơn để tái sử dụng trong hoạt động sản xuất;

- Quá trình hoạt động phải duy trì vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải, đảm bảo chất thải phát sinh phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

- Công ty Tiếp tục phối hợp làm việc và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có yêu cầu.

6. Căn cứ tình hình thực tế:

- Đoàn làm việc yêu cầu Công ty chỉ được phép hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô vận tải nông dụng; và lắp ráp máy nông - ngư - nghiệp theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

- Đoàn làm việc tổ chức lấy 03 mẫu nước thải sau xử lý tại 03 cửa xả phía trước cổng Công ty giáp đường 5 dưới sự giám sát của các thành phần làm việc và đại diện Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung. Giao Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thực hiện việc lấy mẫu tại hiện trường, lập biên bản trong quá trình tác nghiệp lấy mẫu tại hiện trường, bảo quản và phân tích mẫu theo đúng quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả phân tích.

7. Công ty Cổ phần phát triển Quốc tế Việt Trung hoàn toàn nhất trí với các nội dung nêu trên. Sau buổi làm việc này, Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Đoàn làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường để cung cấp các hồ sơ tài liệu khi có yêu cầu.

Biên bản được lập thành 02 bản, Đoàn làm việc giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản để thực hiện, kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ VIỆT TRUNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM TUẤN ANH

ĐẠI DIỆN

PHÒNG TNMT HUYỆN BÌNH GIANG

Nguyễn Thị Uai Hoa

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHỐNG
TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP – NGUY HẠI**

Số: 0212/2024/HDCN/URENCO11-VT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2024, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Cổ phần phát triển quốc tế Việt Trung
Địa chỉ: Km 34, QL5A, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
Điện thoại: 03203 776 555 **Fax:** 03203 776 666
Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Anh **Chức vụ:** Phó tổng giám đốc
Mã số thuế: 0800245513



và

Bên B: Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11
Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221 3 999 072 **Fax:** 0221 3 981 489
Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến **Chức vụ:** Giám đốc
Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên.

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá xử lý

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A với đơn giá cụ thể như sau (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT):

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá
1	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	Kg	01	6.000
2	Dầu máy tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Kg	01	5.000
3	Phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm dầu	07 03 11	Kg	01	4.500
4	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp	17 02 03	Kg	01	5.000
5	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	07 03 07	Kg	01	6.000
6	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại thải	07 04 01	Kg	01	6.000
7	Bùn cặn sơn thải	08 01 03	Kg	01	7.000
8	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại (nilong, bia...)	18 01 01	Kg	01	7.000
9	Bao bì kim loại dính thành phần nguy hại (Phuy dầu)	18 01 02	Kg	01	4.500
10	Bao bì nhựa dính thành phần nguy hại (thùng sơn, can nhựa)	18 01 03	Kg	01	4.500
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ dính thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	01	7.000
12	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	01	6.500

Ghi chú: Đơn giá trọn gói của hợp đồng là 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng) Chưa bao gồm VAT. Thu gom, vận chuyển và xử lý 02 lần/năm.

- Nếu khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý một chuyến khi nhân với đơn giá mà nhỏ hơn 6.000.000 vnd (Sáu triệu đồng) thì bên A phải chịu chi phí là 6.000.000 vnd (Sáu triệu đồng) chưa bao gồm VAT.
 - Nếu khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển và xử lý một chuyến khi nhân với đơn giá mà lớn hơn 6 000.000 vnd (Sáu triệu đồng) thì bên A phải chịu mức giá như bảng trên
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của bên A (Km 34, QL5A, Hưng Thịnh, Bình Giang, Hải Dương)
- 2.3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.

- 2.4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1 Điều khoản thanh toán

- a. Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền 13.200.000 VNĐ (Mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng) ngay sau khi hợp đồng này được ký kết để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào chi phí khi hai bên nghiệm thu thanh quyết toán hợp đồng. Nếu Bên A không bàn giao chất thải cho Bên B thì khi hợp đồng hết hạn Bên B được toàn quyền sử dụng số tiền ứng trước trên coi như chi phí ký duy trì hợp đồng mà không phải trả lại và thông báo cho Bên A.
- b. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.
- c. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- 3.2. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.
- b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- c. Chất thải phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải như đã thông báo với Bên B. Chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
- d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- e. Bên A được phép kiểm tra tất cả quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- f. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí cần diện từ (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.

- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- e. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.
- f. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.
- g. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Hết hạn hợp đồng.
 - b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
 - c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
 - d. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025.
- 7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành

theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NGỌC ANH



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tiến





GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số U 317445

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Hải Dương

CHỨNG NHẬN

Công ty T.N.H.H máy nông nghiệp Việt Nam

Được quyền sử dụng 9900,0 m² đất.

Tại: Hà Hưng Thịnh
Huyện Bình Giang
Tỉnh Hải Dương

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phân ghi thêm
03		9900,0	Xây dựng văn phòng làm việc và nhà xưởng sản xuất	20 năm kể từ ngày 21/3/2002	Ngoài ra cho phép đơn vị được tạm quản lý 2115,0m ² huộc hành lang đường giao thông để làm đường đi nhưng không được XD công trình kiến trúc

Ngày 05 tháng 8 năm 2002

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số.....700263.QSĐĐ/3266/QĐ-UB-2002

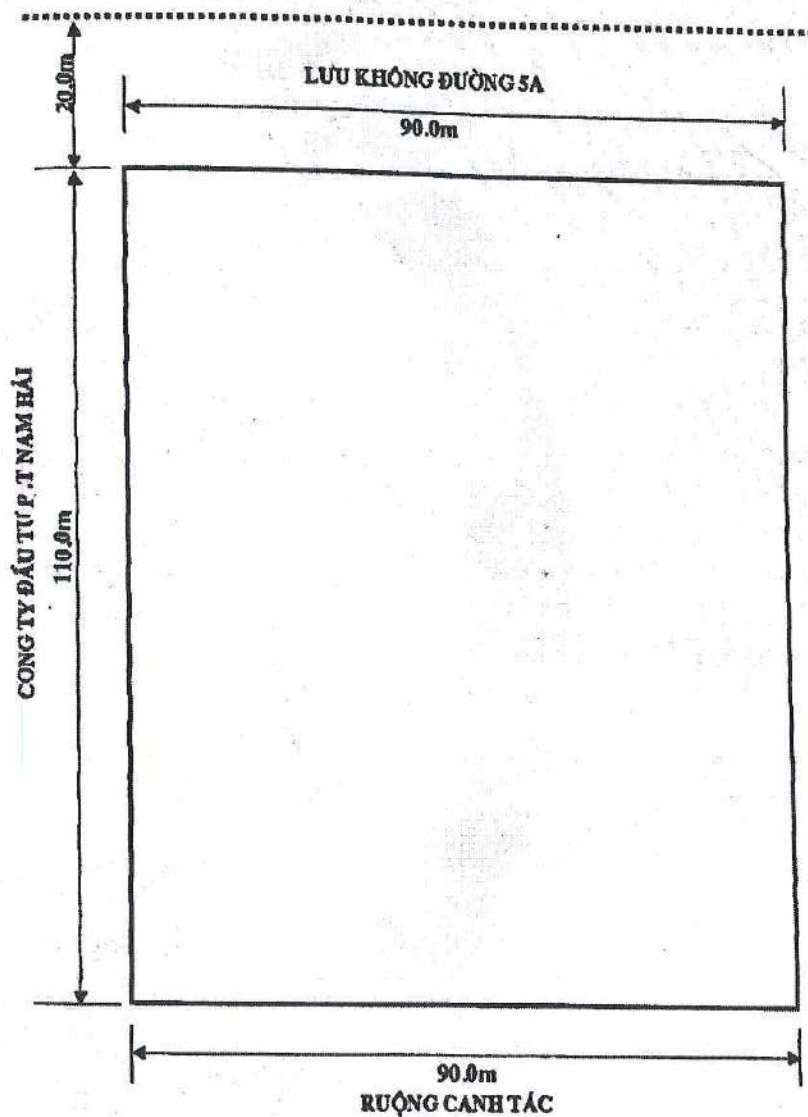


PHÓ CHỦ TỊCH
HOÀNG - BÌNH

Xác nhận của cơ
 quan có thẩm quyền
 NGUYỄN VĂN HAI
 ĐANG KÝ
 QUYẾT ĐỊNH
 PHÓ GIÁM ĐỐC
 ĐOÀN THANH HẢI

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

← ĐI HÀ NỘI **QUỐC LỘ 5A** → ĐI HẢI PHÒNG





TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ bản đồ số: 03

Số phát hành GCN: 4317445

Số vào sổ cấp GCN: T00263 QSDĐ.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

13 h' ngày 3/3/2011. Đã xác' thi' chấp' bằng tài sản gắn' liền với đất đai' thi' chấp' với Chi nhánh Ngân hàng ĐT SPT tỉnh Hưng Yên - Ngân hàng ĐT SPT Việt Nam thu' hồ' sơ' đăng' n' : 000028 STT: 04, 9'03/ĐK.



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MẠNH KHÔI

14 h' ngày 3/3/2011. Thi' chấp' bằng tài sản gắn' liền với đất đai' với Chi nhánh Ngân hàng ĐT SPT tỉnh Hưng Yên - Ngân hàng ĐT SPT Việt Nam thu' hồ' sơ' đăng' n' : 000028, 9'02/ĐK; STT: 05, 9'03/ĐK.



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MẠNH KHÔI

20/3/2014. Bên nhận' thi' chấp' đổi tên thành Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Bắc Hưng Yên thu' đơn yêu cầu đổi' ký' thay đổi' n' ; dung thi' chấp' đã' đăng' n' ngày 20/3/2014; 9'04/ĐK; STT: 43.



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MẠNH KHÔI

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01.